TRƯỜNG THPT XUÂN TRƯỜNG

DỰ KIẾN DANH SÁCH XẾP LỚP KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
020105	PHẠM THỊ TRÀ MY	Nữ	02/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
020429	LÊ PHƯƠNG VI	Nữ	22/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
020515	PHAN HOÀNG PHÚC	Nam	17/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
020605	NGUYỄN HOÀNG BẢO HÂN	Nữ	10/02/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
020613	ĐẶNG THẾ HIẾU	Nam	17/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
020631	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	01/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
020666	VŨ HÀ LY	Nữ	08/03/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
020751	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	27/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
020983	ĐINH THẾ AN	Nam	04/11/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
020996	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	03/09/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
021201	TĂNG THỊ BÌNH	Nữ	10/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
021214	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	Nam	12/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
021215	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	05/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
021320	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LÂM	Nữ	31/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A9**	
021396	ĐÀO PHƯƠNG MAI	Nữ	14/03/2011	THCS Xuân Trường	**10A9**	
860002	BÙI THANH AN	Nữ	26/12/2011	THCS Xuân Bắc	**10A3**	
860003	ĐẶNG KHÁNH AN	Nữ	12/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860004	NGUYỄN TRƯỜNG AN	Nam	23/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860005	PHẠM KHÁNH AN	Nam	07/12/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860006	PHẠM THỊ THANH AN	Nữ	17/11/2011	THCS Xuân Trường	**10A8**	
860007	PHAN BẢO AN	Nam	27/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A6**	
860008	TRẦN BẢO AN	Nữ	30/11/2011	THCS Xuân Bắc	**10A4**	
860009	TRỊNH THỊ KHÁNH AN	Nữ	04/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860010	VŨ THANH AN	Nam	03/06/2011	THCS Xuân Phương	**10A5**	
860011	ĐẶNG CHÂU ANH	Nữ	14/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860012	ĐẶNG QUỲNH ANH	Nữ	15/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860013	ĐẶNG TUẤN ANH	Nam	24/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860014	ĐẶNG VĂN ANH	Nam	03/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860015	ĐINH DIỆU ANH	Nữ	02/11/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860017	ĐINH MAI ANH	Nữ	21/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
860019	ĐINH NGỌC DIỆU ANH	Nữ	05/01/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860020	ĐINH NGỌC VIỆT ANH	Nam	29/06/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860021	ĐINH THỊ KIM ANH	Nữ	17/01/2011	THCS Xuân Kiên	**10A9**	
860022	ĐINH TUẤN ANH	Nam	12/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860023	ĐOÀN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	11/05/2011	THCS Xuân Hồng	**10A5**	
860024	ĐỖ DIỆP ANH	Nữ	15/04/2011	THCS Xuân Trường	**10A5**	
860025	HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	28/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860026	LÃ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860027	LÊ MINH ANH	Nữ	15/02/2011	THCS Xuân Bắc	**10A11**	
860028	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	19/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A9**	
860029	MAI NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	24/10/2011	THCS Xuân Bắc	**10A2**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860030	MAI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	04/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860031	NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	19/06/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860032	NGUYỄN DIỆU ANH	Nữ	25/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860033	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	28/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860034	NGUYỄN MINH ANH	Nam	04/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860035	NGUYỄN NHẬT ANH	Nữ	06/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A10**	
860036	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	17/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860037	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	13/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860038	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	10/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860039	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	18/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860040	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	26/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860041	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	19/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860042	PHẠM NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	18/05/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A4**	
860043	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	03/04/2011	THCS Xuân Kiên	**10A10**	
860044	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	18/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860046	PHẠM VÂN ANH	Nữ	27/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A12**	
860047	PHAN HỮU THẾ ANH	Nam	06/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860048	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	29/09/2011	THCS Xuân Trung	**10A3**	
860049	TRẦN THỊ KIM ANH	Nữ	29/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860050	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	29/07/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A5**	
860051	TRỊNH DUY ANH	Nam	06/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860052	VŨ DIỆP ANH	Nữ	10/03/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860053	VŨ HOÀNG ANH	Nam	18/12/2010	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860054	VŨ KHÁNH MINH ANH	Nữ	19/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A5**	
860055	VŨ MAI LAN ANH	Nữ	10/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860056	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860057	ĐỖ HỒNG ÁNH	Nữ	05/12/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A4**	
860059	MAI NGỌC ÁNH	Nữ	02/03/2011	THCS Xuân Tiến	**10A7**	
860060	NGUYỄN KIỀU ÁNH	Nữ	22/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860061	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	14/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860062	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	03/02/2011	THCS Xuân Phương	**10A12**	
860063	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	21/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860064	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	03/07/2011	THCS Xuân Bắc	**10A5**	
860065	ĐỖ NGỌC TÙNG BÁCH	Nam	24/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860068	ĐỖ GIA BẢO	Nam	23/04/2011	THCS Xuân Ninh	**10A6**	
860069	LƯƠNG GIA BẢO	Nam	10/06/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860070	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	22/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860071	NGUYỄN PHÚC BẢO	Nam	17/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860072	PHẠM GIA BẢO	Nam	31/12/2011	THCS Xuân Hồng	**10A8**	
860073	PHẠM GIA BẢO	Nam	14/08/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860074	TẠ DUY BẢO	Nam	18/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860075	ĐOÀN HÀ BẮC	Nam	20/02/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860076	ĐẶNG KHÁNH BĂNG	Nữ	17/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860077	NGUYỄN THỊ SAO BĂNG	Nữ	06/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860079	ĐỖ KHÁNH BÌNH	Nam	31/08/2011	THCS Xuân Bắc	**10A6**	
860080	PHẠM VŨ THÁI BÌNH	Nam	01/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860081	NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	01/03/2011	THCS Xuân Ninh	**10A7**	
860082	NGUYỄN NGỌC CHÂU	Nam	29/10/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860083	TRẦN THỊ BẢO CHÂU	Nữ	30/01/2011	THCS Xuân Phương	**10A3**	
860085	ĐINH BẢO CHI	Nữ	10/06/2011	THCS Xuân Phương	**10A5**	
860086	NGUYỄN MAI CHI	Nữ	02/07/2011	THCS Xuân Kiên	**10A4**	
860088	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	12/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A12**	
860089	NGUYỄN THÙY CHI	Nữ	06/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860090	PHẠM LINH CHI	Nữ	07/10/2011	THCS Xuân Ninh	**10A3**	
860092	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	25/08/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A7**	
860093	TRỊNH QUỲNH CHI	Nữ	05/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A2**	
860095	PHẠM QUỐC CHÍNH	Nam	23/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860096	MAI THANH CHÚC	Nữ	25/08/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860097	TRỊNH HOÀNG CHUYÊN	Nam	03/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860098	VÕ VĂN CHƯƠNG	Nam	29/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A11**	
860099	ĐỖ HẢI CÔNG	Nam	21/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860100	TRƯƠNG THÀNH CÔNG	Nam	30/10/2011	THCS Xuân Ninh	**10A7**	
860101	ĐỖ KIM CÚC	Nữ	11/06/2011	THCS Xuân Bắc	**10A5**	
860103	TRỊNH NAM CƯỜNG	Nam	24/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860106	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	25/06/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860107	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	17/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860109	PHẠM THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	18/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860110	TRỊNH THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	13/10/2011	THCS Xuân Kiên	**10A4**	
860111	BÙI NGỌC DIỆU	Nữ	06/09/2011	THCS Xuân Kiên	**10A9**	
860112	ĐỖ THỊ HỒNG DIỆU	Nữ	30/09/2011	THCS Xuân Bắc	**10A12**	
860113	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	24/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A8**	
860114	PHẠM HUYỀN DIỆU	Nữ	15/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860115	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	05/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860116	PHAN THỊ ÁNH DIỆU	Nữ	30/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860118	TRẦN PHƯƠNG DIỆU	Nữ	24/08/2011	THCS Xuân Bắc	**10A12**	
860119	TRỊNH THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	14/01/2011	THCS Xuân Trường	**10A6**	
860120	HOÀNG THỊ KIỀU DOAN	Nữ	13/02/2011	THCS Xuân Giang	**10A2**	
860122	PHẠM THỊ THÙY DUNG	Nữ	11/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860123	PHAN THUỲ DUNG	Nữ	03/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860124	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	28/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A6**	
860125	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	14/04/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860126	VŨ TIẾN DŨNG	Nam	03/07/2011	THCS Xuân Giang	**10A7**	
860127	HOÀNG NGỌC DUY	Nam	07/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860129	TRƯƠNG NHẬT DUY	Nam	04/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860130	VŨ MINH DUY	Nam	29/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860133	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	06/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860134	NGUYỄN NGỌC DƯ	Nữ	27/11/2011	THCS Xuân Giang	**10A2**	
860135	VŨ HOÀNG DỰ	Nam	09/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860137	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	Nữ	22/01/2011	THCS Xuân Trường	**10A9**	
860138	MAI ĐĂNG DƯƠNG	Nam	07/11/2011	THCS Xuân Kiên	**10A4**	
860139	PHAN ĐẠI DƯƠNG	Nam	08/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860140	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	Nam	01/07/2011	THCS Xuân Bắc	**10A6**	
860141	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	18/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A6**	
860142	VŨ ĐẠI DƯƠNG	Nam	17/10/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A4**	
860144	TRỊNH XUÂN ĐẠI	Nam	23/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A6**	
860145	ĐINH LINH ĐAN	Nữ	24/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860146	ĐỖ LINH ĐAN	Nữ	07/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A12**	
860148	NGÔ KHÁNH ĐAN	Nữ	19/04/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860151	ĐINH THÀNH ĐẠT	Nam	02/03/2011	THCS Xuân Kiên	**10A5**	
860152	LÊ QUỐC ĐẠT	Nam	11/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A6**	
860153	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	Nam	24/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A7**	
860154	MAI DUY ĐẠT	Nam	16/07/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860155	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	08/05/2011	THCS Xuân Bắc	**10A6**	
860156	NGUYỄN XUÂN ĐẮC	Nam	20/07/2011	THCS Xuân Trường	**10A6**	
860157	VŨ HÀ ĐĂNG	Nam	12/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860158	LƯƠNG QUỐC ĐIÊM	Nam	04/12/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860159	NGÔ VIẾT ĐÌNH	Nam	01/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860160	ĐOÀN TRUNG ĐỨC	Nam	20/12/2011	THCS Xuân Giang	**10A4**	
860162	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	25/06/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860164	PHẠM ANH ĐỨC	Nam	03/02/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A7**	
860165	PHẠM HOÀNG ĐỨC	Nam	14/01/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A12**	
860167	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	13/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860168	PHẠM THỊ TRÀ GIANG	Nữ	14/12/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A3**	
860169	BÙI VIỆT HÀ	Nam	26/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A5**	
860170	ĐÀO KHÁNH HÀ	Nữ	05/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860171	ĐỖ VŨ NGÂN HÀ	Nữ	11/08/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A9**	
860172	NGUYỄN NGÂN HÀ	Nữ	11/12/2011	THCS Xuân Trường	**10A2**	
860173	NGUYỄN THANH HÀ	Nữ	18/06/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
860174	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	15/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860175	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Nữ	08/02/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A11**	
860176	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	28/06/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A12**	
860177	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	10/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860178	TẠ THANH HÀ	Nữ	23/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860179	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	14/08/2011	THCS Xuân Giang	**10A2**	
860180	MAI THANH HẢI	Nam	02/04/2011	THCS Xuân Kiên	**10A5**	
860182	ĐOÀN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	29/11/2011	THCS Xuân Trường	**10A4**	
860183	ĐỖ THỊ BÍCH HẠNH	Nữ	11/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860184	PHẠM NGUYỄN HẠNH	Nữ	26/07/2011	THCS Xuân Ninh	**10A11**	
860185	LÊ THANH HẰNG	Nữ	10/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A6**	
860186	MAI ĐẶNG DIỄM HẰNG	Nữ	22/06/2011	THCS Xuân Kiên	**10A5**	
860187	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	24/02/2011	THCS Xuân Giang	**10A11**	
860189	ĐẶNG BẢO HÂN	Nữ	19/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860190	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	Nữ	05/09/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A7**	
860191	PHAN NGỌC HÂN	Nữ	08/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860193	NGUYỄN THẢO HIỀN	Nữ	27/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A5**	
860195	NGUYỄN MẠNH HIỂN	Nam	29/10/2011	THCS Xuân Kiên	**10A5**	
860197	MAI ĐỨC HIỆP	Nam	17/06/2011	THCS Xuân Tiến	**10A7**	
860198	NGÔ TRUNG HIẾU	Nam	17/05/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860200	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	28/06/2011	THCS Xuân Hồng	**10A5**	
860201	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	20/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860202	ĐINH PHƯƠNG HOA	Nữ	01/02/2011	THCS Xuân Phương	**10A8**	
860203	TRẦN THANH HÒA	Nữ	10/05/2011	THCS Xuân Phương	**10A10**	
860204	BÙI THỊ NHƯ HOÀI	Nữ	20/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860205	NGUYỄN THANH HOÀI	Nữ	12/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860208	VŨ KHẢI HOÀN	Nam	01/04/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A11**	
860209	BÙI NHẬT HOÀNG	Nam	13/02/2011	THCS Xuân Tiến	**10A5**	
860210	ĐẶNG HUY HOÀNG	Nam	11/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860211	ĐẶNG VŨ MINH HOÀNG	Nam	13/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860212	ĐINH VŨ HOÀNG	Nam	13/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860215	TRỊNH VĂN HUÂN	Nam	26/02/2011	THCS Xuân Kiên	**10A5**	
860216	PHẠM ÁNH HUỆ	Nữ	20/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860218	TRẦN ĐỨC HÙNG	Nam	26/04/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
860220	BÙI GIA HUY	Nam	17/07/2011	THCS Xuân Trường	**10A4**	
860221	ĐOÀN GIA HUY	Nam	20/03/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860222	HOÀNG THỌ HUY	Nam	25/04/2011	THCS Xuân Trường	**10A7**	
860223	LÃ GIA HUY	Nam	19/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860225	PHẠM ANH HUY	Nam	09/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860226	PHẠM GIA HUY	Nam	29/03/2010	THCS Xuân Ngọc	**10A4**	
860227	PHẠM GIA HUY	Nam	02/01/2011	THCS Xuân Kiên	**10A8**	
860228	PHẠM GIA HUY	Nam	25/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A6**	
860229	TRỊNH GIA HUY	Nam	21/05/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860231	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	20/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860232	ĐINH KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860233	HOÀNG THU HUYỀN	Nữ	04/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860235	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	19/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860236	PHẠM MAI HUYỀN	Nữ	25/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860238	LƯƠNG THẾ HUYNH	Nam	01/04/2011	THCS Xuân Kiên	**10A7**	
860240	ĐỖ DUY HƯNG	Nam	18/09/2011	THCS Xuân Bắc	**10A9**	
860241	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	10/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A11**	
860242	NGUYỄN GIA HƯNG	Nam	28/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860243	PHẠM QUỐC HƯNG	Nam	04/06/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860244	PHẠM THÀNH HƯNG	Nam	09/06/2011	THCS Xuân Giang	**10A1**	
860246	ĐINH NGỌC DIỄM HƯƠNG	Nữ	28/10/2011	THCS Xuân Trường	**10A10**	
860247	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	14/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A8**	
860248	PHAN THU HƯƠNG	Nữ	20/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860249	NGUYỄN THU HƯỜNG	Nữ	01/03/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860251	LƯƠNG DUY KHANG	Nam	28/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A8**	
860253	PHẠM VĂN KHANG	Nam	07/11/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A6**	
860255	MAI TUẤN KHANH	Nam	05/02/2011	THCS Xuân Kiên	**10A7**	
860257	ĐỖ QUỐC KHÁNH	Nam	23/02/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860259	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	27/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860260	TRỊNH DUY KHÁNH	Nam	21/02/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860262	ĐINH TUẤN KHÔI	Nam	15/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860263	ĐINH VĂN KHÔI	Nam	11/09/2011	THCS Xuân Phương	**10A6**	
860265	TRỊNH BÁ KHÔI	Nam	23/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860268	NGUYỄN ANH KIỆT	Nam	01/06/2011	THCS Xuân Giang	**10A4**	
860269	VŨ HOÀNG ANH KIỆT	Nam	21/10/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A7**	
860271	ĐINH HÀ LINH	Nữ	12/12/2011	THCS Xuân Hồng	**10A12**	
860272	ĐINH MAI LINH	Nữ	21/03/2011	THCS Xuân Bắc	**10A3**	
860273	ĐOÀN TRẦN BẢO LINH	Nữ	03/11/2011	THCS Xuân Bắc	**10A12**	
860274	ĐỖ THÙY LINH	Nữ	25/11/2011	THCS Xuân Ninh	**10A5**	
860275	LƯƠNG THỊ THÙY LINH	Nữ	30/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860276	NGUYỄN GIA LINH	Nữ	05/07/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A11**	
860277	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	02/05/2011	THCS Xuân Giang	**10A12**	
860278	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	01/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860279	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	08/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860280	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	23/10/2011	THCS Xuân Tiến	**10A3**	
860281	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	22/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A8**	
860282	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	17/07/2011	THCS Xuân Giang	**10A9**	
860283	NGUYỄN TÚ LINH	Nữ	16/08/2011	THCS Xuân Giang	**10A1**	
860284	PHẠM THỊ HÀ LINH	Nữ	21/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A9**	
860285	PHẠM THỊ MAI LINH	Nữ	03/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860286	PHAN THUỲ LINH	Nữ	22/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860287	PHÙNG THÙY LINH	Nữ	02/07/2011	THCS Xuân Kiên	**10A10**	
860288	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	20/11/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860289	TRỊNH MAI LINH	Nữ	08/03/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860290	VŨ DIỆU LINH	Nữ	02/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A11**	
860291	VŨ NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	29/07/2011	THCS Xuân Giang	**10A6**	
860292	VŨ NHÃ LINH	Nữ	31/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860293	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	22/11/2011	THCS Xuân Giang	**10A1**	
860295	PHẠM THỊ THANH LOAN	Nữ	09/04/2011	THCS Xuân Trường	**10A10**	
860296	LÊ THÀNH LONG	Nam	09/07/2011	THCS Xuân Bắc	**10A4**	
860301	PHẠM ĐỨC LỘC	Nam	11/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860302	ĐINH XUÂN LƯỢNG	Nam	27/12/2009	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860303	BÙI CẨM LY	Nữ	05/04/2011	THCS Xuân Kiên	**10A12**	
860304	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	01/08/2011	THCS Xuân Giang	**10A6**	
860305	HOÀNG KHÁNH LY	Nữ	05/10/2011	THCS Xuân Bắc	**10A12**	
860306	MAI PHƯƠNG LY	Nữ	07/12/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860307	MAI PHƯƠNG THẢO LY	Nữ	09/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A11**	
860309	NGÔ THỊ LY	Nữ	20/05/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A11**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860310	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	05/08/2011	THCS Xuân Trường	**10A10**	
860311	PHẠM THỊ THẢO LY	Nữ	19/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860312	VŨ NHÃ LY	Nữ	31/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860313	PHẠM NGỌC MAI	Nữ	30/11/2011	THCS Xuân Ninh	**10A6**	
860315	TRẦN THANH MAI	Nữ	24/04/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860316	TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	12/08/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860317	TRỊNH HOÀNG MAI	Nữ	28/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860318	VŨ PHƯƠNG MAI	Nữ	11/12/2011	THCS Xuân Bắc	**10A11**	
860320	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	03/06/2011	THCS Tân Đài	**10A7**	
860321	TRỊNH TIẾN MẠNH	Nam	19/06/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860323	ĐÀO NHẬT MINH	Nam	12/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860324	ĐẶNG TUỆ MINH	Nữ	09/11/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860325	ĐINH PHƯƠNG MINH	Nam	17/10/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860326	ĐỖ HỒNG MINH	Nam	30/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860327	LÊ BÌNH MINH	Nam	16/08/2011	THCS Xuân Bắc	**10A2**	
860328	LÊ QUANG MINH	Nam	25/02/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860329	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	27/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860332	PHẠM THIÊN MINH	Nam	29/04/2011	THCS Xuân Phương	**10A8**	
860333	TỐNG SỸ TUẤN MINH	Nam	08/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860335	VŨ TUẤN MINH	Nam	16/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860338	ĐỖ HUYỀN MY	Nữ	14/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A5**	
860339	ĐỖ THỊ TRÀ MY	Nữ	17/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860340	MAI THỊ TRÀ MY	Nữ	11/05/2011	THCS Xuân Ninh	**10A8**	
860342	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	25/06/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A12**	
860343	PHẠM THỊ HÀ MY	Nữ	25/06/2011	THCS Xuân Hồng	**10A9**	
860344	TRẦN NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	29/03/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A10**	
860345	TRỊNH THỊ TRÀ MY	Nữ	19/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860346	ĐẶNG BẢO NAM	Nam	02/05/2011	THCS Xuân Hồng	**10A8**	
860347	ĐINH HOÀNG NAM	Nam	25/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860348	LƯƠNG VŨ HOÀI NAM	Nam	03/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A11**	
860350	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	31/07/2011	THCS Xuân Giang	**10A10**	
860351	NGUYỄN TIẾN NAM	Nam	23/11/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A2**	
860352	NGUYỄN VĂN BẢO NAM	Nam	30/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860354	VŨ HẢI NAM	Nam	18/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860356	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	Nữ	15/05/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860357	PHẠM QUỲNH NGA	Nữ	14/06/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A4**	
860358	VŨ LINH NGA	Nữ	21/12/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A9**	
860359	ĐỖ HÀ NGÂN	Nữ	04/02/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860360	MÔNG THỊ HOÀNG NGÂN	Nữ	30/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A8**	
860361	NGÔ KIM NGÂN	Nữ	28/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860362	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	01/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860363	NGUYỄN VŨ HÀ NGÂN	Nữ	01/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860364	PHẠM MAI NGÂN	Nữ	03/05/2011	THCS Xuân Hồng	**10A12**	
860365	PHẠM THỊ KIM NGÂN	Nữ	24/02/2011	THCS Xuân Kiên	**10A7**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860366	TRẦN HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	16/05/2011	THCS Xuân Phương	**10A6**	
860367	PHẠM QUANG NGHỊ	Nam	15/04/2011	THCS Xuân Hồng	**10A11**	
860369	NGUYỄN THANH NGOAN	Nữ	25/09/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860371	LÊ BÍCH NGỌC	Nữ	31/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860372	MAI BẢO NGỌC	Nữ	23/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860373	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	19/08/2011	THCS Xuân Phương	**10A6**	
860374	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	Nam	09/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A8**	
860375	PHẠM BÍCH NGỌC	Nữ	26/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
860376	PHẠM LÊ BẢO NGỌC	Nữ	14/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A1**	
860377	PHẠM THỊ NGỌC	Nữ	26/02/2011	THCS Xuân Ninh	**10A5**	
860379	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	13/10/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A9**	
860381	TRỊNH BẢO NGỌC	Nữ	09/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860382	VŨ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	17/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860383	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	04/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860385	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	15/10/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860387	PHAN THẢO NGUYÊN	Nữ	27/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860388	TRỊNH BẢO NGUYÊN	Nam	15/12/2011	THCS Xuân Kiên	**10A3**	
860389	TRỊNH KHÔI NGUYÊN	Nam	10/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860390	VŨ THỊ HƯƠNG NHÀI	Nữ	25/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860392	TRẦN THỊ THANH NHÂN	Nữ	17/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860393	ĐẶNG HOÀNG NHẬT	Nam	01/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860394	ĐOÀN LONG NHẬT	Nam	16/11/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860396	NGUYỄN LONG NHẬT	Nam	27/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A6**	
860397	NGUYỄN LONG NHẬT	Nam	22/01/2011	THCS Xuân Trường	**10A8**	
860398	PHAN MINH NHẬT	Nam	31/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860399	TRỊNH LÊ LONG NHẬT	Nam	05/07/2011	THCS Xuân Kiên	**10A9**	
860401	ĐẶNG YẾN NHI	Nữ	12/11/2010	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860402	ĐINH THẢO NHI	Nữ	20/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A9**	
860403	ĐINH THỊ YẾN NHI	Nữ	05/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860404	ĐINH TUYẾT NHI	Nữ	27/03/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860405	ĐINH YẾN NHI	Nữ	21/06/2011	THCS Xuân Tiến	**10A7**	
860406	ĐOÀN YẾN NHI	Nữ	15/01/2011	THCS Xuân Trường	**10A10**	
860407	HOÀNG HẢI NHI	Nữ	20/07/2011	THCS Xuân Trường	**10A6**	
860409	LƯƠNG THỊ YẾN NHI	Nữ	05/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860410	MAI YẾN NHI	Nữ	09/09/2011	THCS Xuân Kiên	**10A11**	
860411	NGUYỄN HÀ NHI	Nữ	18/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860412	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	11/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860415	PHẠM YẾN NHI	Nữ	28/10/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860417	PHẠM YẾN NHI	Nữ	17/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860418	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	09/07/2011	THCS Xuân Kiên	**10A7**	
860419	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	02/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860420	TRỊNH THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	12/02/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860421	BÙI THỊ YẾN NHƯ	Nữ	22/06/2011	THCS Xuân Trường	**10A9**	
860422	ĐINH BẢO NHƯ	Nữ	17/01/2011	THCS Xuân Kiên	**10A4**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860424	NGUYỄN KIỀU NHƯ	Nữ	12/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860425	PHAN NHẬT NINH	Nam	06/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860426	CAO KIỀU OANH	Nữ	16/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860427	ĐINH MINH PHÁT	Nam	23/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A5**	
860428	ĐOÀN TỐNG GIA PHÁT	Nam	18/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
860430	PHẠM ĐỨC PHI	Nam	09/09/2011	THCS Xuân Bắc	**10A7**	
860431	PHẠM KHẢ PHIÊU	Nam	07/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A8**	
860432	ĐINH HẢI PHONG	Nam	10/06/2011	THCS Xuân Phương	**10A6**	
860433	VŨ THANH PHONG	Nam	27/01/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860434	MAI VĂN PHÚ	Nam	26/07/2011	THCS Xuân Kiên	**10A6**	
860435	ĐINH ĐỨC PHÚC	Nam	07/12/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A12**	
860436	ĐỖ DUY PHÚC	Nam	21/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A1**	
860437	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	26/04/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860438	PHẠM HOÀNG DUY PHÚC	Nam	07/02/2011	THCS Xuân Trường	**10A6**	
860439	VŨ DUY PHÚC	Nam	14/10/2011	THCS Xuân Bắc	**10A3**	
860443	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	10/09/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860444	PHẠM LAN PHƯƠNG	Nữ	27/07/2011	THCS Xuân Ninh	**10A7**	
860445	PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	01/01/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860446	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	08/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860447	TRẦN ÁNH PHƯƠNG	Nữ	06/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860448	VŨ CAO MINH PHƯƠNG	Nam	27/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860450	ĐẶNG ĐỨC QUANG	Nam	25/05/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A9**	
860451	TRỊNH MINH QUANG	Nam	17/03/2011	THCS Xuân Kiên	**10A12**	
860455	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	25/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860457	PHẠM ANH QUÂN	Nam	30/09/2011	THCS Xuân Ninh	**10A5**	
860458	PHẠM MINH QUÂN	Nam	18/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A11**	
860459	PHẠM MINH QUÂN	Nam	18/02/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860460	PHAN ANH QUÂN	Nam	14/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860461	PHAN ANH QUÂN	Nam	08/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860462	TRẦN DUY QUÂN	Nam	04/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860464	NGUYỄN CƯỜNG QUỐC	Nam	26/08/2011	THCS Xuân Bắc	**10A5**	
860467	MAI TÚ QUYÊN	Nữ	21/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860468	BÙI DIỄM QUỲNH	Nữ	30/04/2011	THCS Xuân Phương	**10A6**	
860469	MAI PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	14/12/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860471	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	16/06/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A10**	
860472	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	02/02/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
860473	PHẠM BẢO QUỲNH	Nữ	03/11/2011	THCS Xuân Trường	**10A7**	
860474	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860475	PHẠM TRÚC QUỲNH	Nữ	14/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860476	VŨ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	16/05/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860477	VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	03/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860478	ĐỖ TẤN SANG	Nam	26/03/2011	THCS Xuân Ninh	**10A5**	
860480	ĐỖ PHÚ SƠN	Nam	25/01/2011	THCS Xuân Bắc	**10A3**	
860481	ĐỖ THANH SƠN	Nam	02/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A8**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860482	LÊ MINH SƠN	Nam	20/09/2011	THCS Xuân Bắc	**10A2**	
860483	PHẠM HỮU TRƯỜNG SƠN	Nam	19/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860484	PHẠM THÁI SƠN	Nam	26/04/2011	THCS Xuân Ninh	**10A11**	
860485	NGUYỄN PHÚC TÀI	Nam	24/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860487	HOÀNG TRẦN THIÊN TÂM	Nữ	05/07/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A5**	
860488	PHẠM HƯƠNG TÂM	Nữ	01/04/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860490	PHAN THANH TÂN	Nam	30/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860491	MAI MINH TẤN	Nam	15/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860492	PHẠM NGỌC THÁI	Nam	30/07/2011	THCS Xuân Giang	**10A9**	
860493	PHAN DUY THÁI	Nam	08/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860494	NGUYỄN QUANG THANH	Nam	29/10/2011	THCS Xuân Ninh	**10A12**	
860495	PHẠM HÀ THANH	Nữ	01/03/2011	THCS Xuân Giang	**10A8**	
860499	PHAN NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	15/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860500	VŨ VĂN THÀNH	Nam	05/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860501	BÙI PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/07/2011	THCS Xuân Trường	**10A9**	
860502	ĐINH NGỌC THẢO	Nữ	18/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860503	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/02/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A6**	
860504	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/07/2011	THCS Xuân Ninh	**10A5**	
860505	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/09/2011	THCS Xuân Trường	**10A10**	
860506	TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860507	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/04/2011	THCS Xuân Hồng	**10A10**	
860509	HOÀNG THỌ THẮNG	Nam	13/07/2011	THCS Xuân Trường	**10A7**	
860511	VŨ DUY THẮNG	Nam	12/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A11**	
860512	VŨ ĐỨC THỂ	Nam	27/03/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860513	TRẦN NGỌC BẢO THI	Nữ	29/10/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860514	PHẠM SỸ THIÊM	Nam	19/02/2011	THCS Xuân Trường	**10A5**	
860515	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	Nam	27/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860516	ĐINH ĐỨC THIỆN	Nam	22/03/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860517	NGUYỄN TRÍ THIỆN	Nam	27/08/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860518	PHẠM MINH THIỆN	Nam	31/08/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A4**	
860519	ĐINH QUANG THỊNH	Nam	23/10/2011	THCS Võ Thị Sáu	**10A10**	
860520	ĐỖ ĐỨC THỊNH	Nam	03/11/2011	THCS Xuân Ninh	**10A5**	
860522	NGÔ THỊ KIM THOA	Nữ	11/04/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860523	NGUYỄN MINH THU	Nữ	18/06/2011	THCS Xuân Giang	**10A10**	
860524	ĐÀO THỊ THU THỦY	Nữ	02/01/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A9**	
860525	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	Nữ	22/04/2011	THCS Xuân Phương	**10A11**	
860529	BÙI ANH THƯ	Nữ	10/09/2011	THCS Xuân Trường	**10A10**	
860530	ĐÀO MINH THƯ	Nữ	27/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860531	ĐINH ANH THƯ	Nữ	22/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860533	ĐINH THỊ MINH THƯ	Nữ	29/08/2011	THCS Xuân Hồng	**10A6**	
860534	NGÔ ANH THƯ	Nữ	04/01/2011	THCS Xuân Tiến	**10A9**	
860535	NGÔ THỊ ANH THƯ	Nữ	19/10/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860536	NGUYỄN AN THƯ	Nữ	13/05/2011	THCS Xuân Giang	**10A10**	
860537	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	13/12/2011	THCS Xuân Kiên	**10A11**	
860538	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	05/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A1**	
860539	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	10/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860540	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	01/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860541	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	26/03/2011	THCS Xuân Bắc	**10A6**	
860543	PHẠM MINH THƯ	Nữ	22/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A2**	
860544	PHẠM THỊ ANH THƯ	Nữ	21/06/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860547	PHẠM NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	09/05/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A9**	
860548	ĐOÀN THỦY TIÊN	Nữ	21/06/2011	THCS Xuân Giang	**10A1**	
860549	PHẠM THUỶ TIÊN	Nữ	01/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A12**	
860553	NGUYỄN VIỆT TIẾN	Nam	16/02/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860554	NGUYỄN VIỆT TIẾN	Nam	21/08/2011	THCS Tam Thanh	**10A2**	
860555	NGUYỄN VIỆT TIẾN	Nam	13/12/2011	THCS Xuân Giang	**10A7**	
860556	VŨ MẠNH TIẾN	Nam	27/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860558	PHẠM MINH TIỆP	Nam	18/12/2011	THCS Xuân Kiên	**10A7**	
860560	VŨ ĐỨC TOÀN	Nam	30/09/2011	THCS Xuân Trường	**10A6**	
860561	PHẠM THỊ THU TRÀ	Nữ	01/11/2011	THCS Xuân Ninh	**10A11**	
860562	TRỊNH PHƯƠNG TRÀ	Nữ	06/03/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860564	ĐỖ THU TRANG	Nữ	21/03/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A8**	
860565	LƯƠNG MINH TRANG	Nữ	04/02/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860566	NGUYỄN MAI THẢO TRANG	Nữ	21/09/2011	THCS Xuân Giang	**10A9**	
860568	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	Nữ	08/05/2011	THCS Xuân Hồng	**10A9**	
860569	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	Nữ	05/09/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A10**	
860571	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	11/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860572	PHẠM TRẦN BẢO TRANG	Nữ	14/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A9**	
860573	PHẠM YẾN TRANG	Nữ	21/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860574	PHAN THU TRANG	Nữ	16/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860575	PHAN THÙY TRANG	Nữ	11/11/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A7**	
860577	VŨ QUỲNH TRANG	Nữ	15/03/2011	THCS Xuân Giang	**10A10**	
860578	VŨ THỊ Y TRANG	Nữ	28/02/2011	THCS Xuân Trường	**10A3**	
860579	VŨ THU TRANG	Nữ	14/10/2011	THCS Xuân Giang	**10A4**	
860580	ĐỖ THUỲ TRÂM	Nữ	09/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860582	TỐNG NGỌC TRIỂN	Nam	08/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860583	NGÔ KIỀU TRINH	Nữ	14/03/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860584	NGUYỄN VŨ TRỌNG	Nam	04/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860585	ĐỖ THANH TRÚC	Nữ	06/04/2011	THCS Xuân Bắc	**10A3**	
860586	LÊ THANH TRÚC	Nữ	03/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A9**	
860587	PHẠM ANH TRÚC	Nữ	09/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860589	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	07/08/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860590	PHẠM MINH TRUNG	Nam	20/01/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860592	PHẠM QUANG TRƯỜNG	Nam	27/09/2011	THCS Xuân Ninh	**10A7**	
860593	PHẠM QUANG TRƯỜNG	Nam	19/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860594	NGUYỄN MINH TÚ	Nam	16/09/2011	THCS Xuân Ninh	**10A8**	
860595	NGUYỄN VIỆT TÚ	Nam	02/03/2011	THCS Xuân Trường	**10A1**	
860596	PHẠM QUANG TÚ	Nam	01/11/2011	THCS Xuân Bắc	**10A10**	
860598	TỐNG TÂM TUÂN	Nam	30/11/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A6**	
860599	BÙI ANH TUẤN	Nam	18/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A6**	
860600	CHU ANH TUẤN	Nam	31/10/2011	THCS Xuân Hồng	**10A11**	
860601	HOÀNG THỌ TUẤN	Nam	08/11/2011	THCS Xuân Trường	**10A6**	
860603	NGUYỄN THÁI TUẤN	Nam	11/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A3**	
860605	PHAN ANH TUẤN	Nam	29/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860606	VŨ MINH TUẤN	Nam	01/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860607	NGÔ TĂNG NHẬT TUỆ	Nam	25/06/2011	THCS Xuân Tiến	**10A12**	
860608	PHẠM THANH TÙNG	Nam	26/12/2011	THCS Xuân Hồng	**10A2**	
860609	PHAN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	31/05/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860610	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	12/12/2010	THCS Xuân Ngọc	**10A12**	
860611	VŨ THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	28/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A10**	
860612	VŨ THỊ NHÃ UYÊN	Nữ	12/03/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860613	CAO THANH VÂN	Nữ	13/07/2011	THCS Xuân Bắc	**10A5**	
860614	TRỊNH THANH VÂN	Nữ	23/12/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860615	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	Nữ	19/11/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860616	BÙI HOÀNG VIỆT	Nam	02/03/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860618	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	10/03/2011	THCS Xuân Trường	**10A2**	
860619	ĐỖ CÔNG VINH	Nam	11/11/2011	THCS Xuân Bắc	**10A7**	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
860620	NGUYỄN ĐOÀN BẢO VINH	Nam	07/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A2**	
860621	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	27/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A12**	
860622	NGUYỄN THẾ VINH	Nam	09/02/2011	THCS Xuân Kiên	**10A4**	
860623	MAI LÂM VŨ	Nam	30/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A6**	
860626	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	Nam	20/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860627	ĐẶNG THỊ HÀ VY	Nữ	05/09/2011	THCS Xuân Giang	**10A5**	
860628	ĐẶNG THỊ KHÁNH VY	Nữ	10/09/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860629	ĐINH THỊ HÀ VY	Nữ	17/06/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860630	ĐINH TƯỜNG VY	Nữ	05/03/2011	THCS Xuân Tiến	**10A8**	
860632	ĐỖ TƯỜNG VY	Nữ	14/01/2011	THCS Xuân Bắc	**10A10**	
860634	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	14/11/2011	THCS Xuân Hồng	**10A3**	
860635	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	17/07/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A12**	
860637	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	05/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860639	PHẠM TƯỜNG VY	Nữ	30/09/2011	THCS Xuân Giang	**10A10**	
860640	PHAN THỊ THẢO VY	Nữ	28/01/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A5**	
860641	PHAN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	20/12/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860642	TRỊNH TƯỜNG VY	Nữ	04/08/2011	THCS Xuân Kiên	**10A10**	
860643	VŨ GIA VỸ	Nam	05/02/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860645	BÙI HOÀNG YẾN	Nữ	06/04/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A7**	
860647	ĐỖ HOÀNG YẾN	Nữ	19/10/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A8**	
860648	LƯƠNG HOÀNG YẾN	Nữ	15/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A10**	
860649	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	08/11/2011	THCS Xuân Ngọc	**10A7**	
860650	NGUYỄN THẢO YẾN	Nữ	26/06/2011	THCS Đặng Xuân Khu	**10A4**	
860651	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	Nữ	15/07/2011	THCS Xuân Hồng	**10A4**	
860653	TRỊNH HẢI YẾN	Nữ	01/01/2011	THCS Xuân Giang	**10A3**	
860654	TRỊNH HẢI YẾN	Nữ	08/09/2011	THCS Xuân Tiến	**10A11**	
Chuyển thẳng	ĐINH ANH ĐỨC	Nam	07/12/2010	Trường THCS Xuân Giang	**10A8**	
Chuyển thẳng	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Nữ	22/03/2011	Trường THCS Xuân Hồng	**10A11**	